

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-PT

Ngày 22 tháng 4 năm 2021

“V/v: Tranh chấp ly hôn và chia tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm

Ông Cao Xuân Long

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BRVT

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Thành Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT–HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp: “ Ly hôn và chia tài sản”,

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số 01/2021/2021/HNGĐ-ST ngày 15/1/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2021/QĐ-PT ngày 7 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 246C/Ô 2 khu phố Thanh Bình, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.(Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Đình V, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 246C/Ô 2 khu phố Thanh Bình, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.(Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+Ông Võ Văn N, sinh năm 1949; Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953; Cùng trú tại: Khu phố Hiệp Hòa, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Trần Đình V, sinh 1978.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, trình bày: Bà T với ông Trần Đình V là vợ chồng, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn, giấy đăng ký kết hôn số 212 ngày 15/10/2010 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đất Đỏ cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà ở khu phố Thanh Bình, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông V sống gia trưởng, quản lý tài chính gia đình, không tin tưởng bà T, thường xuyên gây gổ, cãi vã. Mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng không thể sống chung nhà nên bà T đã ra ngoài thuê phòng trọ ở từ tháng 4/2019, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hòa giải hàn gắn được.

Về con chung: Có hai người con là Trần Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/3/2011 và Trần Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 05/10/2013, hiện nay đang sống cùng bà T.

+/Về tài sản chung: Có diện tích đất 371,3m² và căn nhà cấp 4 trên đất, đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BG 599456 và số BG 599457 do UBND huyện Đất Đỏ cấp cùng ngày 11/10/2011 ông V và bà T.

+/Tài sản riêng:

+ Diện tích đất 1.524,6m² và diện tích đất 7.145m² đã được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T

Tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà T, hiện nay ông V đang chiếm giữ.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đình V.

Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/ 1 người con cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Diện tích là 371,3m² trên đất có căn nhà cấp 4 ở thửa đất số 30 tờ bản đồ số 131 thị trấn Đất Đỏ, bà T yêu cầu được chia mỗi người một nửa. Bà T nhận nhà đất để có nơi ở ổn định cho các con, bà T giao lại cho ông V 1/2 giá trị nhà đất bằng tiền.

Về tài sản riêng: Diện tích đất 1.524,6m² và 7.145m² tọa lạc tại thị trấn Đất Đỏ, đã được cấp giấy CNQSD đất đứng tên bà T là tài sản riêng của bà T. Buộc ông V phải giao trả lại các giấy chứng nhận QSD đất cho bà T, bà T giao lại cho ông V 10.000.000 đồng tiền nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất.

**Tại các bản khai Bị đơn ông Trần Đình V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông V thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn, cũng như tình trạng hôn nhân; Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không như bà T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T quan hệ bạn bè bên ngoài trên mức bình thường, quan hệ mờ ám, ông V có ý kiến không cho nên bà T yêu cầu ly hôn, ông V chấp nhận ly hôn với bà T.

Về con chung: Thống nhất như bà T trình bày, có hai người con chung, nếu vợ chồng ly hôn, ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

**/Về tài sản chung có:*

+ Diện tích đất 371,3m² ở thửa đất số 30 tờ bản đồ số 131 thị trấn Đất Đỏ.

+Diện tích đất 1.524,6m² ở thửa đất số 1179 tờ bản đồ số 57 thị trấn Đất Đỏ.

Ông V đồng ý chia cho bà T diện tích đất 1.524,6m² ở thửa 1179, ông V sử dụng diện tích đất 371,3m² ở thửa 30 cùng căn nhà trên đất.

**/Về tài sản riêng:*

Căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 30 tờ bản đồ số 131 diện tích 119m² là tài sản riêng của ông V được xây dựng từ nguồn tiền riêng của ông V.

Quyền sử dụng đất các thửa đất 16, 17, 19, 20, 45, 21, 12, 22, 4, 3, 13, 5, 11 tờ bản đồ số 8, thửa 487 tờ bản đồ số 7 là tài sản riêng của bà T, bà T được thừa kế của cha, nhưng số tiền nộp thuế chuyển quyền 20.000.000 đồng là tiền chung của vợ chồng đề nghị Tòa án xem xét.

Về nợ chung không có.

Ông V không chấp nhận giá trị tài sản theo biên bản định giá của Hội đồng định giá nhưng không yêu cầu định giá lại.

**/Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/HNST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, đã áp dụng các quy định của pháp luật. Tuyên xử:*

+Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Đình V.

+/.Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung tên Trần Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/3/2011 và Trần Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 05/10/2013.

Ông Trần Đình V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho mỗi người con cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng được tính ngày 01/01/2021.

+/Về tài sản chung:

+Bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 30 tờ bản đồ số 131 thị trấn Đất Đỏ có diện tích 317,3m², theo bản vẽ tỷ lệ 1/500 ngày 23/6/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ. Đã được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng sở hữu cho ông V số BG 599456 và; cho bà T số BG 599457 cùng ngày 11/10/2011.

+ Bà T được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 trên và tài sản khác trên đất, đất có diện tích 119m². Bà T có nghĩa vụ giao lại cho ông V số tiền 659.549.000đ. (Sáu trăm năm mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng)

+ Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc xác định thửa đất số 1179 tờ bản đồ số 57 thị trấn Đất Đỏ là tài sản chung của vợ chồng để chia theo pháp luật. Xác định thửa đất 1179 tờ bản đồ số 57 thị trấn Đất Đỏ diện tích 1525m² là tài sản riêng của bà T.

+ Buộc ông V phải giao trả lại cho bà T các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số BK 574266 cấp ngày 16/8/2012; Số BC 857774 cấp ngày 25/3/2011; Số BC 867773 cấp ngày 25/3/2011; Số BC 857772 cấp ngày 25/3/2011.

Bà T tự nguyện giao cho ông V 10.000.00đ tiền nộp thuế chuyển quyền.

+Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí giám định, định giá, thẩm định đo vẽ và nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo.

+ / Ngày 3/2/2021 bị đơn ông Trần Đình V có đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:

+ Hủy bản án sơ thẩm do thu thập chứng cứ về tài sản không đúng nên xét xử giải quyết không đúng pháp luật.

+ Ông V được trực tiếp nuôi 2 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Chia 2 khối tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật để đảm bảo cuộc sống của các bên sau ly hôn. Xem xét công sức đóng góp của ông V

+ Tại phiên tòa phúc thẩm:

Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là rút phần yêu cầu chia tài sản chung và công nhận tài sản riêng. Bị đơn rút một phần kháng cáo là rút phần kháng cáo về chia tài sản. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và bị đơn đồng ý. Bị đơn rút 1 phần kháng cáo về phần chia tài sản. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 244, 298, 299, 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ phần nguyên đơn rút một phần yêu cầu, không xem xét phần kháng cáo bị đơn đã rút, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình V trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu công nhận tài sản riêng, bị đơn đồng ý việc rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn. Bị đơn cũng rút kháng cáo về phần chia tài sản chung, công nhận tài sản riêng. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 244, 298, 299, 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử: Đình chỉ phần yêu

cầu chia tài sản chung, công nhận tài sản riêng. Không xem xét phần kháng cáo về tài sản. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

+ Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình V thuận tình ly hôn.

+Về con chung: Có hai người con chung là Trần Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/3/2011 và Trần Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 05/10/2013.

Bà T được nuôi cả 2 con, ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho một người con, đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản: Ông V, bà T tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+Về nợ chung: Không có.

+Về chi phí thẩm định, đo vẽ , định giá, sao lục hồ sơ: Chi phí hết 3.716.000 đồng, mỗi bên chịu một nửa là 1.858.000 đồng, bà T đã ứng ra nộp trước nên ông V có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền là 1.858.000 đồng.

+Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án. Bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 6.875.000 đồng.

+Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án. Do kháng cáo được Tòa án chấp nhận nên ông V không phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình V, hủy sửa một phần bản án sơ thẩm. (do lỗi khách quan).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Đình V. Hủy, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, như sau:

Áp dụng: Điều 28, 35, 244, 298, 299 và Điều 300 **Bộ luật tố tụng dân sự**; Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27,29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và công nhận tài sản riêng của bà Nguyễn Thị T với ông Trần Đình V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình V thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Có hai người con chung là Trần Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/3/2011 và Trần Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 05/10/2013.

Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung, ông V cấp dưỡng nuôi con, mỗi một người con một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông V được quyền đến thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình V tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Không có.

+Về chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá, sao lục hồ sơ: Ông Trần Đình V có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.858.000 đồng.(Một triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn đồng)

+Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009995 ngày 19/6/2019 của chi cục thi hành án huyện Đất Đỏ. Bà T đã nộp đủ án phí. Được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 6.875.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000953 ngày 6/12/2019 của chi cục thi hành án huyện Đất Đỏ.

+Về án phí HNGĐ phúc thẩm: Ông V được hoàn trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004660 ngày 3/2/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

3. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 22/4/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TAND h. Đất Đỏ
-VKSND tỉnh BRVT.
-THADS tỉnh BRVT.
- THADS h. Đất Đỏ.
- Các đương sự.
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán- Chủ tọa Phiên tòa

Trịnh Hoàng Anh

